

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 231/2019/HS-ST

Ngày: 13/8/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH [

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Cát Tường ;

Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện VKSND thành phố Thanh Hoá tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 236/2019/TLST-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 237/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 76/2019/HSST-QĐ ngày 29/7/2019 đối với bị cáo:

Trần Trọng T, sinh năm 1988 tại Thanh Hóa, Nơi ĐKKHKT: Số nhà 117 Phố M, xã Quảng T, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng T và bà Cao Thị T; Có vợ là Lê Thị M (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án; tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 15/01/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 40 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong hình phạt ngày 31/8/2015; Ngày 15/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 03/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam số 5 Bộ công an của bản án số 03/2019/HS-ST ngày 15/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 29/12/2017, Trần Trọng D, sinh năm 1987 ở thôn Đình C, xã Quảng T, thành phố T và Chu Đình Đ, sinh năm 1995 ở thôn C, xã Quảng T, thành phố T cùng nhau đi trộm cắp tài sản. D và Đ trộm cắp được một xe mô tô Honda Wave anpha biển kiểm soát 36K5 - 127.35 của chị Hoàng Vũ Băng B tại phường Q, thành phố T. Trên đường về D tháo biển số xe vứt ở dọc đường, đồng thời điện thoại cho Trần Trọng T đến nhà Đ. Khi về đến nhà Đ, gặp T, tại phòng ngủ nhà Đ, D nói với T đây là xe của D vừa trộm cắp được trên thành phố, nhờ T đi cầm Cỗ. T đồng ý, sau đó T và Đ mang xe không có đăng ký, không biển kiểm soát xuống nhà Lê Xuân H, sinh năm 1989 ở thôn 6, xã Quảng C, thành phố T cầm cố lấy 4.500.000đ. Số tiền này T cầm về đưa hết cho D, D chia cho T 1.000.000đ, chia cho Đ 1.000.000đ. Số tiền còn lại D ăn tiêu cá nhân hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 19/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Thanh Hóa kết luận xe mô tô Honda Wave màu trắng đen bạc, biển kiểm soát 36K5 - 127.35 giá trị 14.400.000đ.

Đối với hành vi phạm tội của D và Đ, ngày 29/10/2018, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã xét xử.

Sau khi khởi tố Trần Trọng T về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999 thì T đã không có mặt tại địa phương. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã ra quyết định truy nã đối với T. Do thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã tách vụ án và tạm đình chỉ điều tra bị can đồng thời ra quyết định truy nã đối với Trần Trọng T.

Sau khi xác định T đang chấp hành án phạt tù của bản án khác, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thanh Hóa đã ra Quyết định phục hồi điều tra bị can đối với Trần Trọng T để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra, T không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành đối chất giữa Trần Trọng D, Chu Đình Đ với Trần Trọng T. Qua đối chất, D và Đ vẫn khẳng định trước khi đi cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 36K5 - 127.35, Tùng biết rõ đây là xe do D và Đ phạm tội mà có.

Đối với xe mô tô Honda Wave anpha biển kiểm soát 36K5 - 127.35, quá trình điều tra T và Đ khai mang đến cầm cố cho Lê Xuân H lấy 4.500.000đ, tuy nhiên H không thừa nhận cầm cố xe cho T, Đ do đó chưa thu hồi được xe. Chị Hoàng Vũ Băng B yêu cầu D, Đ bồi thường cho chị 14.400.000đ. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 262/2018/HSST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã buộc D bồi thường cho chị B 10.000.000đ, Đ bồi thường cho chị B 4.400.000đ. Quá trình điều tra Trần Trọng T đã tác động mẹ giao nộp cho cơ quan công an 1.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 208/CTr-VKS-SH ngày 27/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân TP Thanh Hoá đã truy tố bị cáo Trần Trọng Tùng về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: khoản 1 Điều 250; khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Tổng hợp với 33 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 67/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 1.000.000đ theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội và khai: Khoảng 14 giờ, ngày 29/12/2017, tại nhà Chu Đình Đ, bị cáo có nhận từ Trần Trọng D và Chu Đình Đ một xe mô tô Honda Wave anpha màu trắng để đem đi cầm cố. Bị cáo không biết chiếc xe này do D và Đ trộm cắp mà có. Bị cáo và Đ đã mang xe đến nhà Lê Xuân H ở thôn 6, xã Quảng C, thành phố T cầm cố lấy 4.500.000đ. Số tiền này bị cáo mang về đưa hết cho D, sau đó D chia cho bị cáo 1.000.000đ, chia cho Đ 1.000.000, đưa cho Đ tiền mua ma túy để cả ba cùng sử dụng chung, số tiền còn lại D chi tiêu cá nhân hết.

Tại phần tranh luận bị cáo trình bày: bị cáo không đồng ý với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, bị cáo không có tội.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại vụ án, bị cáo không biết chiếc xe mô tô Honda Wave anpha màu trắng mà bị cáo đem đi cầm cố là tài sản do D và Đ trộm cắp mà có vì vậy bị cáo không phạm tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Mặc dù bị cáo không thừa nhận hành vi phạm tội nhưng căn cứ vào lời khai của chính bị cáo, lời khai của Trần Trọng Dương, Chu Đình Đức và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như:

Biên bản ghi lời khai, giấy báo cáo do tự tay Trần Trọng T viết ngày 14/8/2018, bị cáo khai: Bị cáo biết chiếc xe máy Honda Wave anpha màu trắng D và Đ nhờ bị cáo đi cầm cố là tài sản do D và Đ trộm cắp được mà có nhưng vì cần tiền mua ma túy để sử dụng nên bị cáo mới mang đi cầm cố cho Lê Xuân H (BL 148-152). Tại biên bản hỏi cung bị can ngày 16/5/2019, T khai nhận lời khai ngày 14/8/2018, bị cáo không bị ép cung, không bị nhục hình, điều tra viên không làm gì để ảnh hưởng đến lời khai của bị cáo, lời khai của bị cáo là do bị cáo tự khai ra, báo cáo dài hai trang là do bị cáo tự viết ra nhưng thần kinh không được tỉnh táo. Tuy nhiên bị cáo khai ngày 14/8/2018, bị cáo không bị ốm đau bệnh tật gì, do sử dụng ma túy đá nên thần kinh không tỉnh táo, nhưng bị cáo không có căn cứ nào để xác định mình sử dụng ma túy đá dẫn đến thần kinh không tỉnh táo (BL 164).

Tại biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Trần Trọng D và biên bản ghi lời khai, bản tự khai, biên bản hỏi cung bị can ngày 20/4/2018, 24/4/2018, 17/7/2018, 01/8/2018, 16/5/2019, D đều khẳng định T biết rõ chiếc xe mô tô Honda Wave anpha biển kiểm soát 36K5 - 127.35 là tài sản do D và Đ trộm cắp mà có và nhờ T đi cầm cố hộ. Sau khi đi cầm cố được 4.500.000đ thì D chia cho T 1.000.000đ (BL 35-24, 49-62).

Tại biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can và giấy báo cáo đối với Chu Đình Đ ngày 01/8/2018, 18/7/2018, 09/5/2019, Đ khai T biết rõ chiếc xe mô tô Honda Wave anpha biển kiểm soát 36K5 - 127.35 là xe do D và Đ trộm cắp mà có (BL 80-90).

Tiến hành đối chất giữa D, Đ với T. Qua đối chất, D và Đ vẫn khẳng định trước khi đi cầm cố xe mô tô biển kiểm soát 36K5 - 127.35, Tùng biết rõ đây là xe do D và Đ phạm tội mà có và sau khi đi cầm cố được 4.500.000đ thì D chia cho T 1.000.000đ (BL 63-64, 94-95).

Mặt khác, Trần Trọng D là em họ bị cáo, bị cáo và D, Đ chơi với nhau từ lâu, cả ba không có thù oán gì nhau. Bị cáo biết rõ D và Đ là các đối tượng nghiện ma túy, không có việc làm, không có thu nhập, D đã nhiều lần đi chấp hành án. Trước đây bị cáo cùng D và Đ thường xuyên mua ma túy sử dụng chung với nhau, sau khi cầm cố xe mô tô lấy tiền, D cũng đưa tiền cho Đ đi mua ma túy về để cả ba cùng sử dụng. Như vậy bị cáo biết rõ D và Đ là các đối tượng có nhân thân xấu, khi nhận xe mô tô trực tiếp từ D và Đ để đi cầm cố bị cáo cũng biết được chiếc xe này không có biển kiểm soát và không có giấy chứng nhận đăng ký xe. Bản thân bị cáo cũng là đối tượng nghiện ma túy, có nhân thân xấu, sau khi có quyết định khởi tố bị can, bị cáo đã không có mặt tại địa phương và tiếp tục thực hiện các hành vi phạm tội mới.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi nêu trên của bị cáo có đủ dấu hiệu cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, tội danh và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự năm 1999 như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3]. Hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật của bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội.

[4]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

Bị cáo có nhân thân xấu: Ngày 15/01/2014, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 40 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; Ngày 15/01/2019, Tòa án nhân dân thành phố Sầm Sơn xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 03/7/2019, Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Hiện nay bị cáo đang phải chấp hành hình phạt của một bản án mà lại bị xét xử về tội đã phạm trước khi có bản án này vì vậy Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang xét xử và tổng hợp hình phạt với hình phạt 33 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 67/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 1999, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ đi khỏi địa phương, gây khó khăn cho công tác điều tra, quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai báo không thành khẩn. Tuy nhiên, bị cáo có bố đẻ là người có công với nước, được nhà nước tặng thưởng huân chương. Vì vậy nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian như vậy mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[5]. Đối với hành vi trộm cắp tài sản của Trần Trọng D, Chu Đình Đ và phần trách nhiệm dân sự đã được xét xử và xem xét xử lý tại bản án hình sự sơ thẩm số 262/2018/HSST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

[6]. Về xử lý vật chứng: Số tiền 1.000.000đ bị cáo được chia cho, quá trình điều tra bị cáo khai đây là tiền D trả nợ cho bị cáo. Tuy nhiên bị cáo không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh D nợ tiền bị cáo và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai, sau khi nhận thức được số tiền 4.500.000đ là tiền do phạm tội mà có nên bị cáo đã tác động để mẹ bị cáo nộp thay bị cáo số tiền 1.000.000đ này cho cơ quan công an. Có đủ căn cứ để xác định đây là tiền do phạm tội mà có nên áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[7]. Án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 250, khoản 2 Điều 46, Điều 33, Điều 50, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14.

Tuyên bố: Bị cáo Trần Trọng T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trọng T 15 (mười lăm) tháng tù.

Tổng hợp với 33 tháng tù của bản án hình sự sơ thẩm số 67/2019/HS-ST ngày 07/3/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 48 (bốn tám) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/9/2018.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu, nộp ngân sách số tiền 1.000.000đ hiện đang lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên bản giao nhận vật chứng số: 202/THA ngày 19/7/2019.

Án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bị cáo có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 7,9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

- VKSND, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- Công an TP Thanh Hóa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
Đã ký

Trần Thị Thu Phương